

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

CHUYÊN ĐỀ

**GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ ĐỐI VỚI
TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN**

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG	3
B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ	4
I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
1.1. Khái niệm; mục đích, ý nghĩa; đặc điểm của giám sát chuyên đề....	4
1.2. Vị trí, vai trò của giám sát và giám sát chuyên đề trong Đảng	8
1.3. Nguyên tắc giám sát chuyên đề	10
1.4. Phương pháp giám sát chuyên đề	12
II. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG	13
2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát chuyên đề.....	13
2.2. Thực hiện nhiệm vụ giám sát.....	14
2.3. Thẩm quyền, trách nhiệm của thủ thể và đối tượng giám sát.....	16
2.4. Công tác giám sát chuyên đề của chi bộ	17
III. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA CÁC CƠ QUAN THAM MƯU, GIÚP VIỆC CẤP ỦY	18
3.1. Chủ thể, đối tượng giám sát:	18
3.2. Nội dung giám sát	18
3.3. Thẩm quyền và trách nhiệm.....	19
IV. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP	19
4.1. Chủ thể, đối tượng giám sát:	19
4.2. Nội dung giám sát	20
4.3. Thẩm quyền và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp trong hoạt động giám sát chuyên đề.....	21
V. QUY TRÌNH GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ	22
5.1. Quy trình giám sát chuyên đề của cấp uỷ tỉnh và tương đương đến cơ sở.	22
5.2. Quy trình giám sát chuyên đề tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách của các cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách của cấp uỷ	25
5.3. Quy trình giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên.....	28

VI. MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ	30
6.1. Kỹ năng tham mưu, đề xuất, xây dựng kế hoạch thực hiện một cuộc giám sát chuyên đề	30
6.2. Những lưu ý khi thực hiện quy trình giám sát chuyên đề	32
6.3. Giám sát trên dữ liệu.....	35
C. CHẾ ĐỘ LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ	36
D. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH.....	36
E. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	37

CHUYÊN ĐỀ

GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng bồi dưỡng: Cán bộ UBKT, cơ quan UBKT cấp tỉnh, cấp xã.

2. Thời lượng: 5 tiết (Lý thuyết 3 tiết, kỹ năng 1 tiết, thảo luận 1 tiết).

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Trang bị, củng cố, cập nhật kiến thức về giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng, đảng viên và kỹ năng tương ứng, góp phần nâng cao năng lực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngành Kiểm tra Đảng có phẩm chất đạo đức, thực sự bản lĩnh liêm chính, chuyên nghiệp, năng lực ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học các khái niệm, mục đích, ý nghĩa, đặc điểm, vị trí, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu của hình thức giám sát chuyên đề trong công tác giám sát của Đảng; chủ thể, đối tượng, thẩm quyền và trách nhiệm, nội dung, phương pháp giám sát chuyên đề; cách thức tiến hành một quy trình giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên hiện nay.

- Về kỹ năng: Giúp người học phát triển tư duy vận dụng các kiến thức đã học vào xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ giám sát đúng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn của tổ chức đảng, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; tự xác định được chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp... giám sát chuyên đề tại cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở nghiên cứu một số kỹ năng cơ bản và những khuyết điểm, lỗi thường gặp qua hoạt động giám sát chuyên đề giúp người học có khả năng tự tổng kết thực tiễn, phát triển kỹ năng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Về tư tưởng: Nhận thức và thực hiện đúng các chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; hiểu đúng ý nghĩa, mục đích của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, nhất là hoạt động giám sát chuyên đề; thông qua hoạt động giám sát, chủ thể giám sát và đối tượng giám sát nâng cao ý thức tự phê bình và phê bình nhằm kịp thời cảnh báo,

phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc, sai trái của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

4. Phương pháp giảng dạy, học tập

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần có những dẫn chứng, những ví dụ về một số vụ việc cụ thể để học viên hiểu kỹ hơn các nội dung trong chuyên đề;

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học viên làm trung tâm kết hợp với việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy;

- Tăng cường thảo luận và giải quyết tình huống để học viên cùng học tập, rèn luyện, rút ra kinh nghiệm sau mỗi chuyên đề. Trong thảo luận trên lớp, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, gợi ý nhằm phát huy kinh nghiệm thực tế và khả năng giải quyết vấn đề của học viên; định hướng và kiểm soát đề nội dung thảo luận bám sát mục tiêu bồi dưỡng.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Khái niệm; mục đích, ý nghĩa; đặc điểm của giám sát chuyên đề

1.1.1. Khái niệm

Trước khi tìm hiểu khái niệm “giám sát chuyên đề”, cần phải làm rõ khái niệm “giám sát” và khái niệm “chuyên đề”.

Khái niệm “giám sát” được đề cập trong một số từ điển, như: *Từ điển tiếng Việt*, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, *Từ điển Nghiệp vụ phổ thông* của Viện Khoa học Công an, *Từ điển Luật học* và trong nhiều văn bản của Đảng, văn bản pháp luật, v.v...

Từ điển tiếng Việt: “Giám sát là theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định không”¹.

Từ điển Luật học: “Giám sát là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động, thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc và hướng hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, đảm bảo cho pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh”².

¹ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, 2005, tr.389.

² *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1999, tr.174.

Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, “Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Giám sát gồm: giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề; trong giám sát chuyên đề có thực hiện thẩm tra, xác minh khi cần thiết”³.

Về khái niệm “chuyên đề”, theo Từ điển tiếng Việt, là: “Vấn đề chuyên môn có giới hạn, được nghiên cứu riêng”⁴. Suy rộng ra, nó có nghĩa là một chủ đề, vấn đề, hoặc lĩnh vực cụ thể nào đó mà người ta tập trung nghiên cứu, học tập, hoặc làm việc, nó có tính riêng biệt, có giới hạn chính xác và tương đối hẹp...

Từ cơ sở nêu trên, có thể rút ra khái niệm “giám sát chuyên đề” như sau:

Giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động về một hoặc một số vấn đề chuyên môn có trọng tâm nhất định, có tính giới hạn nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng (nghị quyết, quy chế, quy định, quyết định, chỉ thị, kết luận...), pháp luật của Nhà nước (Hiến pháp; luật, nghị quyết, nghị định, quy định, quyết định, chỉ thị, thông tư, kết luận... của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có).

1.1.2. Mục đích, ý nghĩa

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, mục đích của công tác kiểm tra, giám sát là giúp cho các cấp ủy đảng nắm chắc được tình hình lãnh đạo; chất lượng của các nghị quyết, chỉ thị... Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách là khéo kiểm tra, giám sát. Do mắc bệnh quan liêu, mà “đầy túi quần thông báo, đầy túi áo chỉ thị”⁵ mà công việc vẫn không chạy, “có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe thâu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững”⁶. Về ý nghĩa, nếu tổ chức tốt việc kiểm tra, giám sát thì cũng như “ngọn đèn pha”, bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm chúng ta đều biết rõ⁷.

³ Ban Chấp hành Trung ương, Quy định số 296-QĐ/TW, Hà Nội, 2025, Khoản 4, Điều 3, tr.2-3.

⁴ Viện Ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng, 2003, tr.187.

⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t5, tr.637.

⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.357.

⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.362.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn về công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, nhất là chỉ đạo gần đây của Tổng Bí thư Tô Lâm, có thể nhận thấy mục đích, ý nghĩa của giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên nhằm:

- Kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực để phát huy, bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, chặn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài, lan rộng.

- Bảo đảm các nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển đất nước, kể cả nghị quyết mới ban hành được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh những vi phạm, khuyết điểm ngay từ mới manh nha đối với những vấn đề "nóng" dư luận xã hội quan tâm góp phần khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Nắm chắc tình hình và đánh giá đúng hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng về chuyên đề được giám sát; chuyển từ bị động sang chủ động, không để có "khoảng trống", "vùng tối" mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực; xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn; hình thành và lan toả văn hoá chính trị trách nhiệm trong nội bộ Đảng.

- Đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Xem xét, đánh giá đúng sự phù hợp hoặc không phù hợp về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên gắn với cương vị công tác và việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên theo chuyên đề được giám sát; đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, đào tạo, bồi dưỡng, chấn chỉnh để đảng viên, cấp ủy viên đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao nhận thức và tinh thần tự giác của cán bộ trong việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; giáo dục ý thức tự phê bình và phê bình trong Đảng; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

- Thông qua giám sát chuyên đề, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm phải kịp thời kiểm tra hoặc yêu cầu, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên được giám sát.

1.1.3. Đặc điểm của giám sát chuyên đề

Công tác kiểm tra, giám sát, trong đó có hình thức giám sát chuyên đề là hoạt động không thể thiếu, diễn ra trong tất cả các khâu của quy trình lãnh đạo, quản lý của mọi tổ chức trong xã hội (tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã...). Thông qua giám sát thường xuyên hoặc theo chỉ đạo, đề nghị của cấp có thẩm quyền, chủ thể giám sát xác định một hoặc một số vấn đề chuyên môn cụ thể cần giám sát (Ví dụ giám sát chuyên đề về lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, đảng viên đối với: Việc học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng; về công tác cán bộ; về đầu tư công; về tài chính, tín dụng, ngân hàng; về quản lý hoạt động cơ quan đại diện ngoại giao; quản lý kinh tế khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - FDI;...). Giám sát chuyên đề là hoạt động có mục đích để đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Có thể khái quát các đặc điểm cơ bản của giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên như sau:

Thứ nhất, có kế hoạch và mục tiêu rõ ràng. Căn cứ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế, chủ thể giám sát *xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát*, xác định rõ nội dung (*hoạt động về một hoặc một số vấn đề chuyên môn có giới hạn*), đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, thành phần đoàn (tổ) giám sát.

Thứ hai, khi thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề, chủ thể giám sát phải *thăm tra, xác minh*, phân tích, đánh giá, nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi hoặc đề nghị bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử cấp uỷ viên (*đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ*), thành viên uỷ ban (*đối với uỷ ban kiểm tra các cấp*), lãnh đạo cơ quan (*đối với cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ*), cán bộ theo dõi địa bàn trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm theo kết luận, kiến nghị giám sát.

Thứ ba, chủ thể giám sát quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản đối tượng giám sát ban hành trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì kịp thời kiểm tra hoặc giao, hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

1.2. Vị trí, vai trò của giám sát và giám sát chuyên đề trong Đảng

1.2.1. Giám sát chuyên đề là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn cho thấy, bất cứ tổ chức nào muốn tồn tại và phát triển đều phải thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình. Theo V.I. Lê nin, khi đường lối, chính sách đã được xác định, phương hướng đã được thông qua thì nhiệm vụ tổ chức thực hiện phải đặt lên hàng đầu và sự lãnh đạo phải "chuyển trọng tâm từ việc soạn thảo các sắc lệnh và mệnh lệnh sang việc *lựa chọn người và kiểm tra sự thực hiện*"⁸.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "...Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích"⁹.

Điều 30 Điều lệ Đảng quy định: "Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng".

Như vậy, theo cách tiếp cận cả về lý luận và thực tiễn cho thấy công tác giám sát, trong đó có giám sát chuyên đề là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng.

1.2.2. Giám sát chuyên đề là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng

Như trên đã nhận định, giám sát là một bộ phận rất quan trọng trong toàn bộ công tác lãnh đạo của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bắt nguồn từ sự đoàn kết, thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Việc xây dựng Đảng ta vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức luôn là đòi hỏi cấp thiết và có tính khách quan. Muốn vậy, phải luôn tự đổi mới và tiến hành đồng bộ các mặt công tác xây dựng Đảng. Trong đó, phải coi trọng và thực hiện tốt công tác giám sát trong Đảng.

Đảng ta khẳng định: Công tác kiểm tra, giám sát là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Báo cáo xây dựng Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

⁸ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.44, tr. 450.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr. 520.

đã rút ra một trong năm bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, trong đó khẳng định: “Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên”¹⁰.

Thực tiễn trên cho thấy, giám sát, trong đó có giám sát chuyên đề là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng.

1.2.3. Giám sát chuyên đề là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên, là hình thức hữu hiệu để kiểm soát việc thực thi quyền lực của Đảng

Công tác giám sát là công tác đảng, là nhiệm vụ của toàn Đảng, được tiến hành đối với tổ chức đảng và đảng viên. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định: Kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng, cần tự mình tiến hành kiểm tra, giám sát và sử dụng các cơ quan tham mưu, giúp việc của mình để tổ chức thường xuyên nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Công tác giám sát là nhiệm vụ của toàn Đảng, tức là của mọi tổ chức đảng và đảng viên, tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng và sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền. Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, đòi hỏi các tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải chú trọng và thường xuyên tiến hành công tác giám sát các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Đảng.

Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Sự lãnh đạo của Đảng được tiến hành thông qua tổ chức và đảng viên đang hoạt động trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mỗi tổ chức đảng phải xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác giám sát; đảng viên dù công tác ở lĩnh vực, cương vị nào đều phải tham gia giám sát khi được tổ chức đảng có thẩm quyền phân công và chịu sự giám sát trong việc thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tóm lại, giám sát chuyên đề là một hình thức của hoạt động giám sát trong Đảng và có vị trí, vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.278.

công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ trực tiếp của mọi tổ chức đảng và đảng viên.

1.2.4. Giám sát chuyên đề cùng với giám sát thường xuyên nhằm cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa các vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên

Cùng với hình thức giám sát thường xuyên, khi thực hiện giám sát chuyên đề là nhằm kịp thời cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm đảm bảo không để lọt vào cấp ủy các cấp và ngành Kiểm tra Đảng những cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nhằm phát huy vai trò nòng cốt của công tác kiểm tra, giám sát trong công tác xây dựng Đảng. Mệnh đề này vừa là vị trí, vừa là vai trò của công tác giám sát chuyên đề, đồng thời là một trong những mục đích của công tác kiểm tra, giám sát hiện nay¹¹.

Tóm lại, giám sát chuyên đề là một hình thức của hoạt động giám sát trong Đảng và có vị trí, vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ trực tiếp của mọi tổ chức đảng và đảng viên; nhằm cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa các vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên.

1.3. Nguyên tắc giám sát chuyên đề

1.3.1. Nguyên tắc chung

Về nguyên tắc chung, có giám sát từ trên xuống, có giám sát từ dưới lên, có giám sát từ trong ra, có giám sát từ ngoài vào (giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên). Nguyên tắc này đã nhiều lần được lãnh tụ V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra.

Đối với Đảng ta, công tác giám sát là nhiệm vụ của toàn Đảng. Điều 30 Điều lệ Đảng quy định: “Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng”. Tổ chức đảng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giám sát theo thẩm quyền và đảng viên được tham gia giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

1.3.2. Nguyên tắc cụ thể

Theo quy định của Điều lệ Đảng, Quy định và Hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra giám sát và kỷ luật của Đảng thì giám sát trong Đảng hiện nay phải bảo đảm năm nguyên tắc cơ bản. Khi

¹¹ Chuyển trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát sang thực hiện giám sát.

tổ chức đảng, đảng viên thực hiện giám sát, tham gia thành phần đoàn, tổ giám sát hoặc khi được giám sát chuyên đề đều phải tuân thủ các nguyên tắc này, tuyệt đối không được vi phạm trong quá trình tiến hành giám sát và chịu sự giám sát. Các nguyên tắc cụ thể:

Thứ nhất, giám sát chuyên đề là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác giám sát; Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng.

Thứ hai, tổ chức đảng cấp trên giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền. Chi bộ phải thường xuyên tự giám sát, tiến hành giám sát chuyên đề đối với đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện chức trách, nhiệm vụ chuyên môn được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của Đảng.

Thứ ba, phải xây dựng kế hoạch giám sát. Tổ chức đảng phải xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề nhiệm kỳ, kế hoạch giám sát chuyên đề hằng năm trước khi tổ chức thực hiện.

Thứ tư, công tác giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực để phát huy, phải bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; phải chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải cương quyết xử lý, đề nghị kiểm tra, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời để răn đe và giáo dục.

Thứ năm, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ (đúng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đối thoại, quan sát, nghe ý kiến nhiều chiều), công khai (trong khuôn khổ cho phép, tránh giám sát thiếu minh bạch).

Thứ sáu, giám sát phải tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác theo Điều lệ và quy định của Đảng; chủ động, kịp thời, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh (các nhận xét, đánh giá, kết luận phải dựa trên chứng cứ, tài liệu, số liệu... xác thực, chủ thể giám sát không được thiên vị).

Thứ bảy, mọi tổ chức đảng và đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và chịu sự giám sát của Đảng, không có ngoại lệ.

Trong các nguyên tắc trên, một trong những nội dung căn cốt của nguyên tắc thứ tư đồng thời là mục đích, ý nghĩa của công tác giám sát.

1.4. Phương pháp giám sát chuyên đề

Căn cứ quy định của Đảng và thực tiễn hoạt động của các đoàn, tổ giám sát, hoạt động giám sát chuyên đề có 2 phương pháp chính như sau:

1.4.1. Giám sát trực tiếp

Trong thực tế, giám sát chuyên đề chủ yếu là phải lập Đoàn (Tổ) giám sát. Đối với hình thức giám sát chuyên đề, phương pháp giám sát trực tiếp chủ yếu được triển khai khi tiến hành thẩm tra, xác minh, cụ thể như sau:

a) Cấp uỷ, tổ chức đảng giám sát chuyên đề trực tiếp bằng cách cử thành viên cấp uỷ dự các cuộc họp, hội nghị, thực hiện đối thoại, chất vấn... để nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo, qua đó góp ý với đối tượng giám sát.

b) Uỷ ban kiểm tra các cấp giám sát chuyên đề trực tiếp bằng cách cử thành viên uỷ ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra tham gia các đoàn giám sát chuyên đề của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp; xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập các đoàn giám sát; cử thành viên đoàn giám sát dự các hội nghị do đối tượng giám sát tổ chức, làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để trao đổi, nghe báo cáo giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan nội dung, phạm vi giám sát, góp ý với đối tượng giám sát.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ giám sát trực tiếp bằng cách nghe đối tượng giám sát phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; gặp gỡ, trao đổi, góp ý với đối tượng giám sát.

d) Chi bộ giám sát trực tiếp bằng cách theo dõi, đôn đốc đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; gặp gỡ, trao đổi, góp ý với đảng viên.

1.4.2. Giám sát gián tiếp

Giám sát gián tiếp là phương pháp chủ yếu được áp dụng đối với hình thức giám sát chuyên đề. Các phương pháp cụ thể như sau:

a) Xem xét báo cáo tự giám sát của đối tượng giám sát về hoạt động liên quan chuyên đề giám sát.

b) Nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo; thông báo kết luận về các cuộc kiểm tra, thông báo về kết quả giám sát (*nếu có*); kết quả tự phê bình và phê bình, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao liên quan chuyên đề giám sát.

c) Nghiên cứu các ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế; phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng liên quan chuyên đề giám sát.

d) Xem xét đơn tố cáo của đảng viên và quần chúng, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với tổ chức đảng, đảng viên liên quan chuyên đề giám sát.

Hai phương pháp giám sát nêu trên đều có thể ứng dụng khoa học công nghệ để kết hợp giám sát nhằm khai thác thông tin, dữ liệu đa chiều, nâng cao hiệu quả và độ chính xác. Chẳng hạn như việc sử dụng phần mềm quản lý giám sát đảng viên trực tuyến cho phép cập nhật thông tin đảng viên, từ đó kịp thời phát hiện những đảng viên có vi phạm, khuyết điểm; hoặc có thể sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn (Big data) để chủ thể giám sát tham khảo xu hướng, phát hiện dấu hiệu bất thường trong hoạt động của tổ chức đảng. Ngoài ra, có thể kết hợp khai thác cơ sở dữ liệu từ Trung ương đến các địa phương giúp chủ thể giám sát dễ dàng theo dõi hoạt động cũng như việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước của từng đảng viên ở mỗi cấp.

II. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG

Cấp ủy, tổ chức đảng vừa có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát, vừa có nhiệm vụ thực hiện công tác giám sát, trong đó có giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên, cụ thể:

2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát chuyên đề

Về chủ thể lãnh đạo gồm: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Nội dung lãnh đạo công tác giám sát chuyên đề gồm:

- Triển khai, quán triệt chủ trương, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát; chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến công tác giám sát của Đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo giám sát tổ chức đảng, đảng viên học tập, quán triệt, triển khai, chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; phân công cấp ủy viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp thực hiện công tác giám sát. Chỉ đạo, đôn đốc cấp ủy cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát.

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ giám sát và để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát, phản biện.

- Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định, quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với các cơ quan liên quan.

- Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ giám sát; giải quyết kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới; định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

2.2.1. Chủ thể giám sát: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, chi bộ.

2.2.2. Đối tượng giám sát: Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

2.2.3. Chủ thể, đối tượng cụ thể của công tác giám sát chuyên đề của cấp ủy, tổ chức đảng:

Cấp ủy, tổ chức đảng giám sát chuyên đề đối với cấp dưới trực tiếp và đảng viên thuộc phạm vi quản lý. Đây là nguyên tắc cơ bản của việc xác định chủ thể, đối tượng giám sát. Cụ thể:

- Ban Chấp hành Trung ương *giám sát* Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư *giám sát* các cấp ủy trực thuộc Trung ương; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở Trung ương; Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương *giám sát* cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương quản lý;

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở *giám sát* cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cơ sở; chi bộ cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở quản lý;

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở *giám sát* đảng uỷ bộ phận; cấp uỷ, chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cơ sở quản lý;

- Đảng uỷ bộ phận *giám sát* cấp uỷ, chi bộ trực thuộc đảng bộ bộ phận và cán bộ thuộc diện đảng uỷ bộ phận quản lý (*nếu có*);

- Chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng bộ bộ phận *giám sát* đảng viên.

Với tư cách là tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp vừa là chủ thể, vừa là đối tượng giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng được phân tích cụ thể tại Mục III.

Đối với chủ thể, đối tượng trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, ngoài nguyên tắc cơ bản của việc xác định chủ thể, đối tượng giám sát nêu trên, khi thực hiện giám sát chuyên đề cần lưu ý phải có sự phối hợp giữa các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp tỉnh, cấp xã. Cấp uỷ, tổ chức đảng cấp tỉnh, cấp xã với tư cách là chủ thể giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên trong quân đội, công an thuộc phạm vi quản lý (*về mặt Đảng*) phải thống nhất với cấp uỷ, tổ chức đảng cấp bộ, cấp tỉnh của quân đội, công an¹².

Khi cần thiết, cấp uỷ, tổ chức đảng có thể giám sát chuyên đề đối với cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên cách cấp.

2.2.4. Nội dung giám sát

2.2.4.1. Nội dung giám sát tổ chức đảng:

- Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.
- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.
- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp.
- Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.
- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nâng ngạch, chuyển ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ.

¹² Trong quân đội còn có cấp quân khu, Bộ đội Biên phòng.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên.

Khi xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề, chủ thể giám sát căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xác định một hoặc một số vấn đề trong các nội dung nêu trên để tiến hành giám sát tổ chức đảng. Trong quá trình giám sát, có thể mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi nội dung nếu cần thiết.

2.2.4.2. Nội dung giám sát đảng viên, gồm: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Tương tự như việc giám sát tổ chức đảng, khi xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề đối với đảng viên, chủ thể giám sát cũng phải căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xác định một hoặc một số vấn đề liên quan các nội dung về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên của đối tượng giám sát để tiến hành giám sát. Trong quá trình giám sát, có thể mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi nội dung nếu cần thiết.

Thông thường, khi tiến hành giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng, chủ thể giám sát sẽ kết hợp giám sát đối với đảng viên là cấp ủy viên, nhất là người đứng đầu, thường trực cấp ủy của tổ chức đảng được giám sát.

2.3. Thẩm quyền, trách nhiệm của chủ thể và đối tượng giám sát

2.3.1. Thẩm quyền, trách nhiệm của chủ thể giám sát

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, thành phần đoàn (tổ) giám sát chuyên đề.

- Yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung giám sát chuyên đề và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

- Qua giám sát chuyên đề, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực tiếp kiểm tra hoặc giao ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

- Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy phải thẩm tra, xác minh, phân tích, đánh giá, nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và

nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử cấp ủy viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm; phân công cấp ủy viên, cán bộ theo dõi địa bàn trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên chấp hành kết luận, kiến nghị kiểm tra, giám sát.

- Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung giám sát.

- Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra hoặc giao ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Như vậy, một số thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện nhiệm vụ giám sát cũng đồng thời là mục đích, đặc điểm của hoạt động giám sát chuyên đề.

2.3.2. Thẩm quyền, trách nhiệm của đối tượng giám sát

Đối tượng giám sát chuyên đề cũng có những thẩm quyền và trách nhiệm, cụ thể:

- Chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng về giám sát, các quyết định, kết luận, yêu cầu của thủ thể giám sát; báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu.

- Không để lộ nội dung giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể giám sát.

- Được sử dụng bằng chứng có liên quan đến nội dung giám sát để báo cáo, giải trình; bảo lưu ý kiến và đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể giám sát.

2.4. Công tác giám sát chuyên đề của chi bộ

Chi bộ xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát chuyên đề đối với đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện chức trách, nhiệm vụ chuyên môn được giao; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Đảng.

III. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA CÁC CƠ QUAN THAM MƯU, GIÚP VIỆC CẤP ỦY

3.1. Chủ thể, đối tượng giám sát:

3.1.1. Chủ thể: Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy.

3.1.2. Đối tượng: Chi ủy, chi bộ, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, trước hết là cấp dưới trực tiếp; đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp giao.

3.1.3. Chủ thể, đối tượng cụ thể của công tác giám sát chuyên đề của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy:

- Cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giám sát cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy trực thuộc Trung ương, đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

- Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trực thuộc Trung ương giám sát cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở, đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương giao.

- Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở (nếu có) giám sát cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp cơ sở, đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở giao.

Khi cần thiết, cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy có thể giám sát chuyên đề đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cách cấp.

3.2. Nội dung giám sát

3.2.1. Đối với tổ chức đảng

Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy giám sát tổ chức đảng về những nội dung sau:

- Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đối tượng giám sát.

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao.

3.2.2. Đối với đảng viên

Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên liên quan đến lĩnh vực phụ trách của đối tượng giám sát.

3.3. Thẩm quyền và trách nhiệm

Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp ủy để tiến hành công tác giám sát.

- Phối hợp với ủy ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát của cấp ủy hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và cán bộ, chuyên viên được phân công theo dõi lĩnh vực, địa bàn khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu đó.

- Qua giám sát, kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Cơ quan tham mưu, giúp việc không có thẩm quyền tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản không đúng quy định thì báo cáo cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, xử lý. Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy không được xem xét, xử lý.

- Cử cán bộ tham gia các đoàn giám sát của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

IV. CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

4.1. Chủ thể, đối tượng giám sát:

4.1.1. Chủ thể: Ủy ban kiểm tra các cấp

4.1.2. Đối tượng: Đối với tổ chức đảng là các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp; đối với đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý.

4.1.3. Chủ thể, đối tượng cụ thể trong công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra các cấp:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương *giám sát* đảng bộ, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Trung ương; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý;

- Ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Trung ương *giám sát* đảng bộ, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở; các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, cán bộ thuộc diện cấp ủy trực thuộc Trung ương quản lý;

- Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở *giám sát* đảng bộ bộ phận, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp cơ sở; chi bộ, cấp ủy chi bộ cơ sở; các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở quản lý;

- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở *giám sát* đảng bộ bộ phận, cấp ủy đảng bộ; chi bộ, cấp ủy chi bộ trực thuộc; các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp cơ sở, cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý.

Khi cần thiết, ủy ban kiểm tra có thể giám sát chuyên đề đối với các đối tượng cách cấp.

4.2. Nội dung giám sát

4.2.1. Đối với tổ chức đảng

Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát tổ chức đảng các nội dung sau đây:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

4.2.2. Đối với đảng viên (gồm cả cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý)

Đối với đảng viên, ủy ban kiểm tra các cấp giám sát các nội dung sau:

- Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.
- Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác.
- Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng.
- Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.
- Việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

4.3. Thẩm quyền và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp trong hoạt động giám sát chuyên đề

- Ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định rõ nội dung (xác định một hoặc một số vấn đề chuyên sâu thuộc một hoặc một số nội dung giám sát nêu trên làm chuyên đề để xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát), đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn giám sát.
- Thành viên ủy ban kiểm tra, đoàn giám sát và cán bộ kiểm tra được giao nhiệm vụ được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp tài liệu, báo cáo về các nội dung giám sát; có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về việc giám sát trước ủy ban kiểm tra.
- Qua giám sát phải kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên được giám sát phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.
- Nếu phát hiện cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới ban hành các nghị quyết, quyết định, kết luận hoặc đảng viên ban hành các quyết định không đúng quy định thì ủy ban kiểm tra yêu cầu xem xét lại, nếu không khắc phục, xử lý thì báo cáo cấp ủy cùng cấp xem xét trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan. Ủy ban kiểm tra không có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng hoặc đảng viên ban hành không đúng quy định.
- Qua giám sát chuyên đề, nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.
- Ngoài ra, ủy ban kiểm tra có thẩm quyền và trách nhiệm: Chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp tham mưu, giúp cấp ủy

thực hiện các nội dung giám sát của cấp ủy; tham gia các cuộc giám sát do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp chủ trì; cùng các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp tham mưu, giúp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy kết luận các cuộc giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện công tác giám sát, quyết định của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy sau các cuộc giám sát; phối hợp với văn phòng cấp ủy giúp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy lập và nộp lưu hồ sơ các cuộc giám sát; hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác giám sát; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, phổ biến công tác giám sát.

V. QUY TRÌNH GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

5.1. Quy trình giám sát chuyên đề của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở¹³.

Theo quy định của Ban Bí thư, quy trình giám sát chuyên đề của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở gồm 3 bước, mỗi bước có các nhóm công việc cụ thể cần phải thực hiện như sau:

5.1.1. Bước chuẩn bị

Gồm 3 nhóm công việc chính cần phải thực hiện, cụ thể:

(1) Thành lập đoàn giám sát và xây dựng kế hoạch giám sát:

- Cơ quan, đơn vị giúp việc cấp ủy căn cứ chương trình, kế hoạch giám sát của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy hoặc nhiệm vụ cấp trên giao để tham mưu cấp ủy quyết định thành lập đoàn giám sát tổ chức đảng, đảng viên (sau đây gọi là đối tượng giám sát); kế hoạch giám sát.

- Thường trực cấp ủy ký, ban hành quyết định, kế hoạch giám sát. Trưởng đoàn giám sát là cấp ủy viên do ban thường vụ phân công, nơi không có ban thường vụ thì do cấp ủy phân công (đối với cấp cơ sở và tương đương: Trưởng đoàn có thể là lãnh đạo các đơn vị hoặc đảng viên được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cấp ủy). Căn cứ tính chất, nội dung, quy mô giám sát để xác định số lượng thành viên cho phù hợp.

Kế hoạch giám sát xác định rõ về nội dung, mốc thời gian giám sát; thời gian làm việc, phương pháp tiến hành... Trong đó: Mốc thời gian giám sát không nên quá 3 năm gần nhất; thời gian giám sát đối với cấp tỉnh và tương đương không quá 60 ngày; cấp cơ sở không quá 30 ngày.

¹³ Ban hành kèm theo Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư.

Trường hợp cần thiết, chủ thể giám sát có thể quyết định gia hạn thời gian giám sát nhưng không quá 1/3 thời gian giám sát đối với từng cấp theo quy định.

Đoàn giám sát được sử dụng con dấu của cấp uỷ để thực hiện nhiệm vụ.

(2) Đoàn giám sát xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng giám sát báo cáo; lịch làm việc của đoàn và phân công nhiệm vụ từng thành viên trong đoàn; chuẩn bị các văn bản, tài liệu liên quan.

(3) Văn phòng cấp uỷ bảo đảm điều kiện cần thiết, kinh phí, phương tiện phục vụ đoàn thực hiện nhiệm vụ theo quy định (nếu có).

5.1.2. Bước tiến hành

Gồm 6 nhóm công việc chính cần phải thực hiện, cụ thể:

(1) Đoàn giám sát hoặc đại diện đoàn giám sát triển khai quyết định, kế hoạch giám sát, thống nhất lịch làm việc với đối tượng giám sát và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên. Yêu cầu đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo theo đề cương gợi ý, cung cấp các hồ sơ, tài liệu; các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện.

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc triển khai quyết định và kế hoạch kiểm tra có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(2) Đối tượng giám sát báo cáo bằng văn bản và các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ (qua đoàn giám sát).

(3) Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, hồ sơ, tài liệu nhận được; trường hợp cần thiết thì làm việc với đối tượng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thẩm tra, xác minh những nội dung cần làm rõ.

Trong quá trình giám sát nếu cần điều chỉnh, bổ sung nội dung, thời gian, đối tượng giám sát, thành viên đoàn hoặc giám định về chuyên môn, kỹ thuật thì trưởng đoàn báo cáo ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, quyết định. Những nội dung cần yêu cầu đối tượng giám sát giải trình, bổ sung, làm rõ (nếu có) thì trao đổi bằng văn bản.

Đoàn giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

(4) Tổ chức hội nghị thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát (tổ chức đảng là đối tượng giám sát hoặc trực tiếp quản lý đảng viên được giám sát tổ chức, chủ trì và ghi biên bản hội nghị).

Thành phần hội nghị: Đoàn giám sát, đại diện tổ chức đảng được giám sát hoặc đảng viên được giám sát và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên đó (hoặc tùy nội dung, đối tượng giám sát, trưởng đoàn giám sát quyết định tổ chức đảng tổ chức hội nghị, thành phần dự các hội nghị).

Hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo, kết quả thẩm tra, xác minh của đoàn và kiến nghị, đề xuất bằng văn bản (nếu có).

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc tổ chức hội nghị có thể theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(5) Đoàn giám sát tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ hoặc có ý kiến khác nhau (nếu có); hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kết quả giám sát; xin ý kiến uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cùng cấp (nếu cần).

(6) Đoàn giám sát phối hợp văn phòng cấp uỷ báo cáo thường trực cấp uỷ quyết định thời gian tổ chức hội nghị cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ, thành phần tham dự; gửi báo cáo kết quả giám sát đến các đồng chí uỷ viên ban thường vụ hoặc cấp uỷ viên theo quy chế làm việc.

5.1.3. Bước kết thúc

Gồm 5 nhóm công việc chính cần phải thực hiện, cụ thể:

(1) Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, kết luận:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát (nếu thuộc thẩm quyền cấp uỷ kết luận thì ban thường vụ cấp uỷ cho ý kiến chỉ đạo trước khi đoàn giám sát trình cấp uỷ), trình bày đầy đủ ý kiến của đối tượng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan; các đề xuất, kiến nghị.

- Ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, kết luận, trường hợp kết luận đối tượng giám sát có dấu hiệu vi phạm thì tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

(2) Đoàn giám sát hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát, phối hợp với văn phòng cấp uỷ dự thảo thông báo kết luận, trình thường trực cấp uỷ ký, ban hành.

(3) Đại diện ban thường vụ cấp uỷ thông báo kết luận giám sát đến đối tượng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc thông báo kết luận giám sát có thể thực hiện trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(4) Đoàn giám sát họp rút kinh nghiệm; kiến nghị, đề xuất với cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ (nếu có); hoàn thiện hồ sơ, bàn giao cho văn phòng cấp uỷ lưu trữ theo quy định.

(5) Giao uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cùng cấp và đồng chí cấp uỷ viên theo dõi địa bàn, lĩnh vực đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện kết luận giám sát.

Như vậy, quy trình giám sát chuyên đề của cấp uỷ tỉnh và tương đương đến cơ sở gồm 3 bước, Bước 1 có 3 nhóm công việc chính, Bước 2 có 6 nhóm công việc chính và Bước 3 có 5 nhóm công việc chính cần phải thực hiện.

Có thể xây dựng công thức thực hiện quy trình như sau: Bước 1 = 3 nhóm công việc; Bước 2 = 6 nhóm công việc; Bước 3 = 5 nhóm công việc.

5.2. Quy trình giám sát chuyên đề tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách của các cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách của cấp uỷ

Theo quy định của Ban Bí thư¹⁴, quy trình giám sát chuyên đề của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ gồm 3 bước, mỗi bước có các nhóm công việc cụ thể cần phải thực hiện như sau:

5.2.1. Bước chuẩn bị

Gồm 3 nhóm công việc chính cần phải thực hiện, cụ thể:

(1) Căn cứ chương trình công tác hằng năm hoặc nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ giao, lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ (chủ thể giám sát) chỉ đạo đơn vị hoặc cán bộ chuyên môn tham mưu, đề xuất: Nội dung giám sát, tổ chức đảng, đảng viên được giám sát (đối tượng giám sát); thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát (xác định rõ mốc thời gian giám sát, phương pháp tiến hành, thời gian làm việc của đoàn...).

(2) Chủ thể giám sát xem xét, ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát và kế hoạch giám sát.

Mốc thời gian giám sát không quá 3 năm gần nhất. Thời gian giám sát đối với cấp Trung ương không quá 60 ngày; cấp tỉnh, thành và tương đương không quá 45 ngày; cấp trên trực tiếp của cấp cơ sở (nơi có cơ quan tham mưu, giúp việc) không quá 20 ngày. Trường hợp cần thiết, chủ thể giám sát có thể quyết định gia hạn thời gian nhưng không quá 1/3 thời gian giám sát đối với từng cấp theo quy định...

(3) Đoàn giám sát xây dựng đề cương gợi ý báo cáo để đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo; họp đoàn để thông báo kế hoạch, lịch làm việc của đoàn, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn; chuẩn bị văn bản, tài liệu liên quan phục vụ việc giám sát.

5.2.2. Bước tiến hành

Gồm 5 nhóm công việc cơ bản cần phải thực hiện, cụ thể:

¹⁴ Ban hành kèm theo Quyết định số 311-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Ban Bí thư

(1) Đoàn giám sát làm việc với đại diện tổ chức đảng được giám sát hoặc đảng viên và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên được giám sát để triển khai quyết định, kế hoạch giám sát; thống nhất lịch và phương pháp làm việc; yêu cầu và hướng dẫn đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, tài liệu; đề nghị chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trực thuộc có liên quan phối hợp thực hiện.

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc triển khai có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

(2) Đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đề cương gợi ý và các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi chủ thể giám sát (qua đoàn giám sát) theo thời gian yêu cầu.

(3) Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, các hồ sơ, tài liệu nhận được; làm việc với các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan để thẩm tra, xác minh các nội dung giám sát, làm việc với đối tượng giám sát để làm rõ các nội dung liên quan (khi cần thiết).

- Nếu cần điều chỉnh, bổ sung nội dung, thời gian, đối tượng giám sát, thành viên đoàn giám sát hoặc có vấn đề chuyên môn, kỹ thuật cần giám định thì trưởng đoàn giám sát báo cáo tập thể lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ xem xét, quyết định.

- Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

- Trao đổi, làm việc với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát những nội dung cần bổ sung, làm rõ (nếu có).

(4) Tổ chức hội nghị

- Thành phần hội nghị: Đại diện chủ thể giám sát, đoàn giám sát, tổ chức đảng được giám sát hoặc đảng viên được giám sát và tổ chức đảng quản lý đảng viên. Tùy nội dung, đối tượng, trưởng đoàn giám sát quyết định thành phần tham dự, thời gian tổ chức hội nghị...

- Nội dung hội nghị: Tổ chức đảng được giám sát hoặc tổ chức đảng quản lý đảng viên được giám sát chủ trì, ghi biên bản hội nghị. Đoàn giám sát thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát; đối tượng giám sát trình bày ý kiến giải trình; hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến, làm rõ các nội dung trong dự thảo báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị, đề xuất bằng văn bản (nếu có).

(5) Đoàn giám sát tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ (nếu có); trao đổi với đại diện tổ chức đảng được giám sát hoặc tổ chức đảng quản lý đảng viên được giám sát, hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kết quả giám sát; gửi báo cáo

kết quả giám sát đến các đồng chí lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ theo quy chế làm việc.

5.2.3. Bước kết thúc

Gồm 5 nhóm công việc cơ bản cần phải thực hiện, cụ thể:

(1) Tập thể lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ họp xem xét, kết luận:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát, trình bày đầy đủ ý kiến của tổ chức đảng, đảng viên được giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tập thể lãnh đạo cơ quan thảo luận, xem xét, kết luận; nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì thông báo bằng văn bản đề nghị ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đối tượng giám sát.

(2) Đoàn giám sát hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát; xây dựng và hoàn chỉnh thông báo kết luận giám sát, trình chủ thể giám sát ký, ban hành.

(3) Đại diện đoàn giám sát công bố thông báo kết luận giám sát đến đối tượng giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc triển khai có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

(4) Đoàn giám sát họp rút kinh nghiệm; trưởng đoàn có văn bản nhận xét, đánh giá từng thành viên đoàn giám sát, gửi người đứng đầu đơn vị có thành viên tham gia đoàn; lập hồ sơ và nộp lưu trữ theo quy định.

(5) Lãnh đạo hoặc cán bộ được phân công phụ trách địa bàn của cơ quan tham mưu, giúp việc đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện nghiêm thông báo kết luận, xây dựng kế hoạch khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm (nếu có) gửi chủ thể giám sát; báo cáo chủ thể giám sát kết quả thực hiện cho đến khi khắc phục, sửa chữa xong các khuyết điểm, vi phạm tại thông báo kết luận.

Như vậy, quy trình giám sát chuyên đề của cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ gồm 3 bước, Bước 1 có 3 nhóm công việc chính; Bước 2 và Bước 3, mỗi bước có 5 nhóm công việc chính cần phải thực hiện.

Có thể xây dựng công thức thực hiện quy trình như sau: Bước 1 = 3 nhóm công việc; Bước 2 = 5 nhóm công việc; Bước 3 = 5 nhóm công việc.

5.3. Quy trình giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên

Theo quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương¹⁵, quy trình giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên của ủy ban kiểm tra gồm 3 bước, mỗi bước có các nhóm công việc cụ thể cần phải thực hiện như sau:

5.3.1. Bước chuẩn bị

Gồm 3 nhóm công việc, cụ thể:

(1) Căn cứ chương trình công tác hằng năm hoặc nhiệm vụ do cấp ủy, ủy ban giao, cán bộ theo dõi địa bàn đề xuất, báo cáo (bằng văn bản) với thường trực ủy ban: Nội dung giám sát; tổ chức đảng, đảng viên được giám sát (sau đây gọi là đối tượng giám sát); kế hoạch (mốc thời gian giám sát, thời gian làm việc của đoàn...) và dự kiến thành phần đoàn (tổ) giám sát (gọi tắt là đoàn giám sát).

(2) Thường trực ủy ban xem xét, ban hành quyết định và kế hoạch giám sát (mẫu theo quy định).

(3) Đoàn giám sát xây dựng đề cương gợi ý báo cáo (mẫu theo quy định) để đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo; lịch làm việc của đoàn; họp đoàn để thông báo kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn; chuẩn bị văn bản, tài liệu liên quan phục vụ việc giám sát.

5.3.2. Bước tiến hành

Gồm 5 nhóm công việc, cụ thể:

(1) Thành viên ủy ban được phân công chỉ đạo và đại diện đoàn giám sát làm việc với (đại diện tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát (nếu có); đối tượng giám sát) để triển khai quyết định, kế hoạch giám sát; thống nhất lịch làm việc và yêu cầu đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đề cương gợi ý, cung cấp hồ sơ, tài liệu; đề nghị chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan phối hợp thực hiện.

Trường hợp cần thiết, triển khai theo hình thức họp trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

(2) Đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo theo nội dung đề cương gợi ý (bằng văn bản) và các hồ sơ, tài liệu có liên quan; gửi ủy ban kiểm tra (qua đoàn giám sát).

¹⁵ Ban hành kèm theo Quyết định số 354-QĐ/TW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(3) Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, tài liệu nhận được; làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung, đối tượng giám sát để thẩm tra, xác minh những nội dung, vấn đề cần làm rõ, phục vụ việc xem xét, đánh giá (khi cần thiết). Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát (mẫu theo quy định).

Nếu cần điều chỉnh, bổ sung nội dung, thời gian, đối tượng giám sát, thành viên đoàn giám sát hoặc có vấn đề chuyên môn, kỹ thuật cần giám định thì trưởng đoàn giám sát báo cáo thành viên ủy ban chỉ đạo để báo cáo thường trực ủy ban xem xét, quyết định.

Đoàn giám sát trao đổi bằng văn bản với đối tượng giám sát những nội dung cần bổ sung, làm rõ.

(4) Tổ chức hội nghị (tổ chức đảng quản lý đối tượng hoặc đối tượng giám sát chủ trì, ghi biên bản hội nghị) để đoàn giám sát thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát; hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo kết quả giám sát, thẩm tra, xác minh về các nội dung giám sát và kiến nghị, đề xuất bằng văn bản (nếu có).

Trường hợp cần thiết, triển khai theo hình thức họp trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

(5) Đoàn giám sát tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ (nếu có); trao đổi ý kiến với người đứng đầu (đơn vị theo dõi địa bàn; không phải là trưởng đoàn hoặc thành viên đoàn kiểm tra) về kết quả giám sát; báo cáo xin ý kiến đồng chí thành viên ủy ban chỉ đạo đoàn, thường trực ủy ban (nếu cần), trước khi trình ủy ban kiểm tra.

5.3.3. Bước kết thúc

Gồm 6 nhóm công việc, cụ thể:

(1) Ủy ban kiểm tra xem xét, kết luận:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát với ủy ban.

- Trình bày đầy đủ ý kiến của đối tượng được giám sát và tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát.

- Ủy ban thảo luận, xem xét, kết luận; nếu có dấu hiệu vi phạm thì xem xét, quyết định chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đối tượng giám sát.

(2) Đơn vị theo dõi địa bàn có ý kiến bằng văn bản báo cáo ủy ban về kết quả và hoạt động của đoàn giám sát.

(3) Đoàn giám sát hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát; phối hợp với (đơn vị hoặc cán bộ tổng hợp) hoàn chỉnh thông báo kết luận giám sát, báo cáo thành viên ủy ban chỉ đạo đoàn trước khi trình thường trực ủy ban ký, ban hành.

(4) Thành viên ủy ban chỉ đạo và đại diện đoàn giám sát công bố thông báo kết luận giám sát đến đối tượng giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp cần thiết, triển khai theo hình thức họp trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

(5) Đoàn giám sát họp rút kinh nghiệm; trưởng đoàn có văn bản nhận xét, đánh giá từng thành viên đoàn giám sát, gửi người đứng đầu các đơn vị có cán bộ tham gia đoàn; lập hồ sơ và nộp lưu trữ theo quy định.

(6) Vụ địa bàn, đơn vị, cán bộ theo dõi địa bàn giám sát việc chấp hành kết luận của Ủy ban.

Như vậy, quy trình giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra gồm 3 bước, Bước 1 có 3 nhóm công việc chính, Bước 2 có 5 nhóm công việc chính, Bước 3 có 6 nhóm công việc chính cần phải thực hiện.

Có thể xây dựng công thức thực hiện quy trình như sau: Bước 1 = 3 nhóm công việc; Bước 2 = 5 nhóm công việc; Bước 3 = 6 nhóm công việc.

VI. MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

6.1. Kỹ năng tham mưu, đề xuất, xây dựng kế hoạch thực hiện một cuộc giám sát chuyên đề

6.1.1. Công tác nắm tình hình, xác định đối tượng, nội dung để xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề hằng năm

Qua giám sát thường xuyên, hoặc thông tin từ tình hình giám sát thường xuyên của cán bộ hoặc tổ theo dõi địa bàn, hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về những nội dung liên quan đến phạm vi nhiệm vụ được giao, cán bộ kiểm tra phải tổng hợp đầy đủ, phân tích kỹ lưỡng các thông tin liên quan như đối tượng, nội dung, khả năng dẫn đến vi phạm, khuyết điểm và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền của chủ thể giám sát. Trong đó, về đối tượng cần tập trung trước hết vào cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên diện cấp ủy cùng cấp quản lý, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; về nội dung, tập trung vào các địa bàn, lĩnh vực quan trọng, phức tạp, nhạy cảm, dễ xảy ra tiêu cực, những vấn đề nổi cộm, nơi người dân có nhiều bức xúc, báo chí phản ánh, dư luận xã hội quan tâm, có đơn thư tố cáo, khiếu nại gửi nhiều nơi nhưng không được xem xét, xử lý dứt điểm.

Sau khi đánh giá kỹ lưỡng, khách quan, toàn diện tình hình, xem xét tổng thể kế hoạch hằng năm và các chỉ đạo của cấp trên, cán bộ kiểm tra tham mưu lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo dõi địa bàn đề xuất chủ thể giám sát đưa vào kế hoạch giám sát hằng năm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của chủ thể giám sát. Nhìn chung, việc xác định chuyên đề giám sát phải dựa trên kết quả nắm chắc tình hình đối tượng, nội dung cần giám sát. Trong giám sát chuyên đề, có thể giám sát một hoặc một số chuyên đề, phạm vi thời gian giám sát cụ thể, tránh xây dựng kế hoạch hằng năm một cách chung chung.

6.1.2. Kỹ năng cần thiết xây dựng dự thảo quyết định, kế hoạch thực hiện cuộc giám sát chuyên đề

Căn cứ kế hoạch chương trình giám sát hằng năm của chủ thể giám sát, cơ quan, đơn vị theo dõi địa bàn đề xuất thành phần tham gia đoàn giám sát và dự thảo quyết định của chủ thể thành lập đoàn giám sát, dự thảo kế hoạch thực hiện cuộc giám sát (*giai đoạn Bước 1 của các quy trình giám sát*). Việc xác định thành phần đoàn giám sát cần phân tích, đánh giá kỹ lưỡng đội ngũ cán bộ trong phạm vi quản lý về phẩm chất, năng lực, vị trí, khả năng hoàn thành từng nhiệm vụ của một hoặc một số chuyên đề. Trong việc lựa chọn đề xuất thành phần mỗi đoàn giám sát cũng cần nghiên cứu mối quan hệ của cán bộ (dự kiến tham gia đoàn giám sát) với đối tượng giám sát nhằm bảo đảm tính khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát...

- *Xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề:*

Một quyết định giám sát chuyên đề thường gồm các nhóm thông tin chủ yếu như: (1) Đối tượng giám sát, (2) Thành phần trực tiếp tham gia đoàn giám sát, (3) Người được phân công chỉ đạo đoàn giám sát, (4) Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian và phương pháp tiến hành giám sát (*thông thường sẽ được cụ thể hóa tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định giám sát*).

- *Xây dựng kế hoạch một cuộc giám sát chuyên đề:*

Bản Kế hoạch giám sát chuyên đề thường gồm các nhóm thông tin chủ yếu như: (1) Mục đích, yêu cầu; (2) Nội dung giám sát (xác định rõ nội dung giám sát đối với từng đối tượng, nhóm đối tượng giám sát); (3) Thời gian giám sát (gồm mốc thời gian thuộc phạm vi cần giám sát và thời gian dự kiến tiến hành thuộc giám sát); (4) Phương pháp tiến hành (phải phản ánh được đầy đủ các nhóm công việc thuộc quy trình giám sát).

- *Xây dựng đề cương giám sát:* Căn cứ kế hoạch giám sát, chuyên đề chính cần giám sát, đoàn giám sát xây dựng đề cương chi tiết gợi ý đối tượng giám sát báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ giám sát. Báo cáo của đối tượng giám

sát theo đề cương giám sát được coi là *Báo cáo tự giám sát*, do đó, thông tin cơ bản của đề cương giám sát thường gồm các nội dung: (1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt của đối tượng giám sát về các nội dung, lĩnh vực liên quan chuyên đề giám sát; (2) Kết quả tổ chức thực hiện các nội dung, lĩnh vực liên quan chuyên đề giám sát (*nêu rõ ưu điểm, kết quả đạt được và những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm; việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thanh tra, điều tra, kiểm toán (nếu có) vào phần tiểu kết của từng nội dung cụ thể*); (3) Những đề xuất, kiến nghị (*nếu có*) của đối tượng giám sát; (4) Đánh giá khái quát ưu điểm, khuyết điểm...

6.2. Những lưu ý khi thực hiện quy trình giám sát chuyên đề

6.2.1. Những khó khăn và một số tình huống thường gặp khi thực hiện quy trình giám sát

Một số khó khăn thường gặp phải trong quá trình thực hiện quy trình giám sát chuyên đề đó là:

- *Tại Bước chuẩn bị:*

+ Không có hoặc có nhưng không đầy đủ thông tin về tình hình địa bàn, lĩnh vực, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng, nội dung, phạm vi (*mốc thời gian*) cần giám sát dẫn đến xây dựng kế hoạch tổng thể một cách chung chung.

+ Nhân sự cụ thể tham gia cuộc giám sát chuyên đề cũng thường gặp khó khăn, do: số lượng cán bộ tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị có hạn; trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm không đồng đều; số cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm thường tham gia cùng lúc nhiều công việc chuyên môn, trong đó có trong dự kiến của nhiều đoàn kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng... dẫn đến khó khăn trong việc lựa chọn của chủ thể giám sát.

- *Tại Bước tiến hành:*

+ Thời gian hoàn thành báo cáo tự giám sát của đối tượng giám sát thường không đáp ứng, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến kế hoạch công tác chung của chủ thể giám sát, của cơ quan đơn vị cử cán bộ tham gia đoàn giám sát.

+ Chất lượng báo cáo tự giám sát thường chủ yếu đánh giá ưu điểm, thành tựu. Việc tự đánh giá về hạn chế, khuyết điểm, những nguy cơ dẫn đến vi phạm thường rất ít, dẫn đến khi tiến hành phải nhiều lần củng cố hồ sơ, khó hoàn thành kế hoạch theo yêu cầu.

+ Chất lượng báo cáo của cá nhân tham gia đoàn giám sát về kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu thường chưa thống nhất, chưa rõ ràng, mạch lạc; báo cáo chưa phản ánh đúng, đủ bản chất sự việc, việc viện dẫn các điều, khoản trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa chính xác, hoặc khiên cưỡng; tiến độ

xây dựng báo cáo cá nhân tham gia đoàn giám sát chưa đảm bảo... Các yếu tố trên dẫn đến khó khăn trong việc tổng hợp báo cáo chung của đoàn giám sát như phải bổ sung, điều chỉnh, thẩm tra, xác minh nhiều lần làm ảnh hưởng tiến độ giám sát.

- *Tại Bước kết thúc:*

Khó khăn chủ yếu tại Bước kết thúc đó là việc đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện kết luận giám sát, xây dựng kế hoạch khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm; báo cáo chủ thể giám sát kết quả thực hiện cho đến khi khắc phục, sửa chữa xong các khuyết điểm, vi phạm tại thông báo kết luận.

Công việc này gắn với hoạt động giám sát thường xuyên của cán bộ, tổ theo dõi địa bàn. Trường hợp cán bộ theo dõi địa bàn là thành viên đoàn giám sát hoặc việc phân công địa bàn theo dõi ổn định sẽ ít gặp khó khăn hơn. Trường hợp đoàn giám sát không có cán bộ theo dõi địa bàn tham gia hoặc địa bàn được điều chỉnh sang cán bộ khác, đơn vị khác thì việc đôn đốc sẽ gặp nhiều khó khăn.

6.2.2. Một số kinh nghiệm giải quyết những khó khăn khi thực hiện quy trình giám sát

6.2.2.1. Một số kinh nghiệm chung

Trong thực tiễn hoạt động giám sát chuyên đề, nhằm tránh gặp khó khăn hoặc đưa ra được giải pháp giải quyết khó khăn khi chuẩn bị và thực hiện quy trình giám sát, cán bộ kiểm tra ngoài nắm vững các kỹ năng nêu trên, cần tích cực trau dồi kiến thức, kỹ năng như sau:

Thứ nhất, cần thường xuyên cập nhật, trang bị kiến thức để am hiểu chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nhiều lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực thuộc chuyên đề giám sát giúp xác định được đúng trọng tâm, phạm vi giám sát, áp dụng đúng văn bản, nguyên tắc, quy trình giám sát. Tự nghiên cứu, trau dồi các phương pháp thống kê - so sánh, phân tích - tổng hợp, quy nạp - diễn giải...

Thứ hai, từ cơ sở kiến thức, cần tự tích lũy, làm giàu kỹ năng qua từng cuộc giám sát để có khả năng quan sát, phân tích và phát hiện vấn đề. Kết hợp quan sát *cả biểu hiện tích cực và biểu hiện tiêu cực* của đối tượng giám sát. Kỹ năng này giúp đánh giá báo cáo, số liệu, dữ liệu một cách khách quan, toàn diện, có khả năng phát hiện những dấu hiệu bất thường hoặc mâu thuẫn; đây chính là những manh mối quan trọng, do đó đòi hỏi sự nhạy bén thông qua tích lũy kinh nghiệm của mỗi cá nhân.

Thứ ba, kỹ năng giao tiếp và lắng nghe: Việc nâng cao kỹ năng này giúp chủ thể giám sát có khả năng đối thoại với đối tượng giám sát vừa bảo đảm mềm dẻo, vừa kiên quyết, đúng nguyên tắc. Trong đối thoại, cần nghiên cứu, chuẩn bị kỹ nội

dung để có phương pháp đặt câu hỏi để đạt hiệu quả, mục tiêu giám sát mà không gây áp lực cho các bên trong quá trình thực hiện giám sát. Việc chú ý lắng nghe đối tượng giám sát giải trình để từ đó đánh giá đúng tính chất, mức độ, khó khăn và nguyên nhân dẫn đến hệ quả của vi phạm, khuyết điểm. Nguyên tắc để thực hiện kỹ năng này nhằm thực hiện cuộc đối thoại “thấu tình, đạt lý”, để đối tượng tin tưởng, cởi mở giải trình giúp đoàn giám sát thu được những thông tin, dữ liệu cần thiết.

Thứ tư, kỹ năng sử dụng, ứng dụng khoa học - công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin. Cán bộ giám sát phải sử dụng thành thạo công nghệ thông tin như sử dụng các phần mềm khai thác dữ liệu, phần mềm trí tuệ nhân tạo (AI) và các phần mềm soạn thảo văn bản, nhất là phần mềm Microsoft Excel để tự tạo lập các mẫu biểu theo mục tiêu của đoàn giám sát, qua đó giúp việc phân tích dữ liệu chính xác, kịp thời, tiết kiệm thời gian, giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả giám sát.

Để giải quyết tối ưu những khó khăn khi thực hiện quy trình giám sát, cần:

- *Tại Bước chuẩn bị:*

+ Thực hiện tốt công tác giám sát thường xuyên, qua đó nắm chắc thông tin về tình hình địa bàn, lĩnh vực để xây dựng kế hoạch tổng thể trúng, đúng đối tượng, nội dung, phạm vi cần giám sát.

+ Tăng cường đào tạo cán bộ ngành Kiểm tra thông qua việc tham gia nhiều hơn các chuyên đề giám sát khác nhau. Mạnh dạn đan xen mỗi đoàn giám sát các cán bộ ít hoặc chưa có kinh nghiệm bên cạnh những cán bộ giàu kinh nghiệm. Sau mỗi công đoạn, mỗi cuộc giám sát, trưởng các đoàn giám sát cần tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên.

- *Tại Bước tiến hành:*

+ Chủ thể giám sát cần kịp thời chấn chỉnh đối tượng giám sát hoàn thành báo cáo tự giám sát đúng tiến độ; đối tượng giám sát cần tự giác, mạnh dạn (*tự phê bình*) thông qua việc xây dựng báo cáo tự giám sát phải đánh giá đầy đủ, nghiêm túc về hạn chế, khuyết điểm, những nguy cơ dẫn đến vi phạm. Những tình tiết trên được là ưu điểm (*tình tiết giảm nhẹ*) của đối tượng giám sát khi thực hiện trách nhiệm của mình.

+ Để việc nghiên cứu hồ sơ giám sát bảo đảm tiến độ, chất lượng, phản ánh cơ bản được kết quả giám sát (*do công tác giám sát phải mở rộng*), mỗi thành viên đoàn giám sát cần thường xuyên cập nhật chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là những nội dung, lĩnh vực liên quan chuyên đề giám sát;

bám sát đề cương, nghiên cứu kỹ báo cáo tự giám sát, phân tích các bảng biểu, phụ lục (*nếu có*) và kịp thời phát hiện những yếu tố bất thường, những nội dung “có vấn đề”, báo cáo lãnh đạo đoàn yêu cầu cung cấp hồ sơ cụ thể (*thông thường nghiên cứu một số hồ sơ mẫu để tránh mất nhiều thời gian*).

+ Khi xây dựng báo cáo nghiên cứu hồ sơ, mỗi thành viên cần thống nhất thể thức theo thống nhất chung của đoàn để việc tổng hợp báo cáo được thuận lợi, tránh phát sinh những nhầm lẫn không đáng có.

- *Tại Bước kết thúc:*

Để việc đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện kết luận giám sát, xây dựng kế hoạch khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm; báo cáo chủ thể giám sát kết quả thực hiện cho đến khi khắc phục, sửa chữa xong các khuyết điểm, vi phạm tại thông báo kết luận được thuận lợi, mỗi đoàn giám sát nên có cán bộ theo dõi địa bàn, đồng thời, việc phân công địa bàn cho các đơn vị theo dõi cần bảo đảm tính ổn định tương đối; trường hợp thay đổi địa bàn theo dõi của cán bộ, đơn vị thì nên giao cán bộ, đơn vị theo dõi địa bàn phối hợp chặt chẽ với cán bộ giám sát thường xuyên và đơn vị mới được giao theo dõi tiếp tục đôn đốc địa bàn riêng việc thực hiện kết luận về chuyên đề đã giám sát cho đến khi hoàn thành.

6.3. Giám sát trên dữ liệu

Trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số đã trở thành nguồn tư liệu quan trọng cho việc đánh giá, phân tích phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Việc thực hiện số hóa và sử dụng dữ liệu số giúp mở rộng khả năng và nhanh chóng thu thập dữ liệu, giảm thiểu sai lệch và tăng tính khách quan.

- Giám sát chuyên đề trên dữ liệu số là việc thực hiện quy trình giám sát từ các nguồn dữ liệu đã được số hóa.

- Các nguồn dữ liệu chính: Dữ liệu hành chính (Báo cáo, biên bản, hồ sơ điện tử từ các cơ quan Đảng, các đơn vị tổ chức). Dữ liệu tài chính (Thông tin về dòng tiền, chi tiêu, tài sản công). Dữ liệu truyền thông và phản ánh (Thông tin từ mạng xã hội tin cậy, diễn đàn, và các kênh thông tin đại chúng liên quan đến hoạt động của cán bộ, đơn vị). Dữ liệu từ hệ thống giám sát nội bộ (Báo cáo về tuân thủ quy định, nội quy và các chỉ tiêu được số hóa).

- Quy trình thu thập và xử lý: Thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu tự động kết hợp giữa quy trình nhập liệu truyền thống và công nghệ quét, nhận dạng. Áp dụng công nghệ tích hợp dữ liệu (ETL – Extract, Transform, Load) để xử lý và làm sạch dữ liệu. Đảm bảo tính bảo mật và riêng tư của thông tin thu thập được.

- Công cụ và phương pháp phân tích dữ liệu

Công nghệ Big Data và phân tích thống kê: Sử dụng các nền tảng Big Data để lưu trữ, phân tích và trực quan hóa thông tin, từ đó phát hiện các xu hướng và bất thường trong hoạt động của các đơn vị. Áp dụng thống kê mô tả và suy diễn nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động dựa trên dữ liệu số. Trí tuệ nhân tạo (AI) và Machine Learning: Phát triển các mô hình học máy giúp dự báo nguy cơ sai phạm, phát hiện hành vi vượt ngưỡng và tạo ra các cảnh báo tự động cho ban kiểm tra. Tích hợp các thuật toán xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) để phân tích dữ liệu văn bản từ các báo cáo, bình luận và phản ánh trên mạng. Hệ thống thông tin quản lý: Xây dựng các ứng dụng và dashboards hiển thị thông tin giám sát theo thời gian thực, giúp ban lãnh đạo nắm bắt tình hình một cách trực quan. Tích hợp hệ thống cảnh báo sớm và báo cáo tự động cho các trường hợp bất thường.

C. CHẾ ĐỘ LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ

- Hồ sơ bao gồm toàn bộ các văn bản, các tài liệu của chủ thể và đối tượng giám sát; tất cả các tài liệu thẩm tra xác minh thu thập được; các gợi ý báo cáo và các báo cáo giải trình; các quyết định, các thông báo kết luận, các báo cáo về việc thực hiện thông báo kết luận (các tài liệu này phải là bản gốc hoặc có xác nhận xuất xứ cung cấp)

- Các hồ sơ, tài liệu phải được sắp xếp khoa học, dễ tra cứu, dễ sử dụng.

- Hồ sơ được quản lý theo chế độ bảo mật theo quy định.

- Cùng với việc lập và quản lý hồ sơ thông thường, phải thực hiện việc số hóa toàn bộ hồ sơ theo quy định.

D. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH

1. Đồng chí hiểu thế nào về mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, phương pháp của công tác giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên? Vận dụng kiến thức đã học để cụ thể hoá vào thực tế tại cơ quan, đơn vị.

2. Đồng chí phân biệt điểm giống và khác nhau giữa công tác giám sát chuyên đề của cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy với công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra.

3. Đồng chí hãy phân biệt điểm giống và khác nhau giữa giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên?

4. Đồng chí hiểu thế nào là “Chuyển trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát sang thực hiện giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa”?

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu học tập (bắt buộc)

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội, 2025.
2. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2025.
3. Ban Bí thư, *Hướng dẫn số 08-QĐ/TW, ngày 10/6/2025 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025*, Hà Nội, 2025.
4. Ban Bí thư, *Quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp uỷ tỉnh và tương đương đến cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022*, Hà Nội, 2022.
5. Ban Bí thư, *Quy định mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ ban hành kèm theo Quyết định số 331-QĐ/TW, ngày 18/6/2025*, Hà Nội, 2025.
6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 354-QĐ/TW, ngày 22/12/2021*, Hà Nội, 2021.

2. Tài liệu tham khảo

1. Mai Thế Dương (Chủ biên), *Tăng cường công tác giám sát của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
2. Nguyễn Xuân Phương (Chủ biên), *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017.
3. Các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan công tác giám sát, phản biện của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.
4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025 triển khai thực hiện Chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2025.
5. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Báo cáo số 258-BC/UBKTTW, ngày 21/5/2025, Báo cáo chuyên đề Một số vi phạm điển hình thường gặp qua công tác kiểm tra, giám sát*, Hà Nội, 2025.
6. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 triển khai thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2025.

7. Các Nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định, chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm... liên quan công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng.
8. Các luật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan các chuyên đề giám sát.